

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2020/DS-PT
Ngày: 04-9-2020.
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Hồng Mai; ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm, Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 208/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1975, cư trú tại: Số 385, khu phố HH, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt có ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Thu T: Bà Bùi Thị Hoa M, sinh năm 1973, cư trú tại: Số 84, đường Số 4, NVL, khu phố LT, phường LTB, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1948, cư trú tại: Số 01, khu phố 3, phường LH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Phạm Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Thu T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Bùi Thị Hoa M trình bày:

Ngày 19-3-2016 âm lịch (nhằm ngày 25-4-2016), bà Phạm Thị N vay của

bà Ngô Thị Thu T 60.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền, tiền lãi 1.500.000 đồng/tháng, thỏa thuận thời hạn trả 03 tháng. Từ ngày vay đến tháng 9 năm 2017 bà N không trả lãi, bà T đòi thì bà N xin trả hàng tháng mỗi tháng 4.000.000 đồng, do bà T đi nước ngoài nên nhờ chị ruột là bà Ngô Thị Kim C nhận tiền thay.

Từ ngày 01-9-2017 âm lịch (nhằm ngày 20-10-2017) đến ngày 01-3-2018 âm lịch (nhằm ngày 16-4-2018), bà N đã trả cho bà T 24.000.000 đồng tiền lãi.

Tuy tiền lãi trả chưa đủ nhưng bà T không đòi thêm, chỉ kiện đòi 60.000.000 đồng nợ gốc.

Bà N khai đã trả 24.000.000 đồng nợ gốc là không đúng, nếu Tòa án xác định là tiền nợ gốc thì bà T yêu cầu trả lãi đầy đủ từ ngày vay đến khi xét xử theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

Riêng số tiền 3.000.000 đồng bà N khai đã trả cho bà T thông qua anh Trương Long G bà T không thừa nhận vì không nhờ anh G đòi nợ hay nhận tiền thay, bà T chỉ quen anh G tại quán nước, anh G giới thiệu là Luật sư, bà có kể lại chuyện bà N nợ không trả, anh G nói để anh G đòi giúp, bà cho anh G đi cùng một lần đến nhà bà N đòi tiền, sau đó phát hiện anh G không phải là Luật sư nên không nhờ nữa, bà không nhận tiền từ anh G.

- Bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà T 02 lần, gồm: Khoảng tháng 9 năm 2015 vay 40.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận là 1.000.000 đồng/tháng; trong năm 2016, không nhớ ngày tháng vay 20.000.000 đồng, tổng cộng lại nên viết giấy nợ 60.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 03 tháng, tiền lãi 1.500.000 đồng/tháng.

Bà đã trả lãi khoảng một năm rưỡi thì hết khả năng nên không trả nữa, bà T đòi trả đủ 60.000.000 đồng nợ gốc, bà xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng, từ ngày 20-10-2017 đến ngày 16-4-2018 đã trả được 24.000.000 đồng, bà không còn khả năng nên không trả tiếp được.

Vào ngày 15-10-2019, có một người tên là Trương Long G đến đòi nợ thay cho bà T, bà xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, đã giao cho anh G 3.000.000 đồng, anh G có viết giấy tay nhận tiền. Tổng cộng đã trả 27.000.000 đồng nợ gốc nên chỉ còn nợ bà T 33.000.000 đồng, bà chấp nhận trả.

- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thu T.

Buộc bà Phạm Thị N trả cho bà T 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng tiền nợ gốc, ghi nhận bà T không yêu cầu trả lãi.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, bà Phạm Thị N kháng cáo, chỉ chấp nhận trả 33.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà N thay đổi kháng cáo, yêu cầu trừ 24.000.000 đồng đã trả vào nợ gốc, không yêu cầu trừ 3.000.000 đồng đã giao cho anh Trương Long G vào ngày 15-10-2019 vì anh G đã trả lại cho bà.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Phạm Thị N, thấy rằng:

[1] Bà Ngô Thị Thu T và bà Phạm Thị N, thống nhất số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 25-4-2016, thời hạn vay là 03 tháng, tiền lãi 1.500.000 đồng/tháng, tương ứng lãi suất 2,5%/tháng.

Bà N cho rằng đã trả lãi cho bà T khoảng một năm rưỡi theo mức lãi suất 2,5%/ tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà T không thừa nhận.

Tính theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận thì tại thời điểm trả 4.000.000 đồng lần đầu tiên vào ngày 20-10-2017 bà N đã nợ bà T tiền lãi của 17 tháng 25 ngày, với số tiền 26.750.000 đồng, giữa bà T và bà N không có thỏa thuận về việc bỏ tiền lãi nên không có căn cứ xác định số tiền 24.000.000 đồng đã trả thông qua bà Ngô Thị Kim C là trả nợ gốc.

Hợp đồng vay ký kết vào ngày 25-4-2016, Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, theo quy định tại Điều 476 thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm vay, tức là không được vượt quá 1,125%/ tháng. Bà T và bà N thỏa thuận lãi suất 2,5% là vượt quá mức cho phép nên tính lại theo mức lãi suất 1,125%/ tháng.

Theo mức lãi suất 1,125%/ tháng thì tiền lãi phải trả từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 33.840.000 đồng, số tiền lãi bà N đã trả ít hơn số tiền lãi phải trả nên không ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bà N.

Bà T không yêu cầu trả lãi thêm nên ghi nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N trả cho bà T 60.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của bà N không có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với số tiền 3.000.000 đồng bà N kháng cáo cho rằng đã trả cho bà T thông qua anh Trương Long G nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét: Tại phiên tòa phúc thẩm bà N không yêu cầu vì đã được anh G trả lại nên ghi nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà N là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị N.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thu T đối với bà Phạm Thị N.

- Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho bà Ngô Thị Thu T số tiền vay gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu trả tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu bà N chưa trả đủ số tiền nêu trên cho bà T thì hàng tháng bà N còn phải trả cho bà T tiền lãi do chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Bà Phạm Thị N được miễn tiền án phí sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị N được miễn.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TTN;
- TAND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Thị Đồng

